

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 05/4/2022

"V/v Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Văn Tú
2. Bà Nguyễn Thị Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Chung là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2021 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2022/QĐST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Anh Bàn Văn T, sinh năm 1970. Địa chỉ: Đội 5, thôn Lâm, xã Đ, huyện B, tỉnh H "vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt".

Bị đơn: Chị Đặng Thị S, sinh năm 1969. Địa chỉ: Đội 5, thôn L, xã Đ, huyện B, tỉnh H "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/12/2021 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn là anh Bàn Văn T trình bày: Anh và chị Đặng Thị S về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1986 tại thôn L, xã Đ, huyện B, tỉnh Hnhung khi đó anh chị đều chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn. Việc anh T và chị S chung sống

với nhau được hai bên gia đình chấp nhận và được hàng xóm, bạn bè chứng kiến. Anh T và chị S chung sống với nhau như vợ chồng từ đó cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, nơi anh chị cư trú, mặc dù sau nhiều năm chung sống thì anh chị đã đủ điều kiện kết hôn theo luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu anh T và chị S chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2000 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống nên giữa anh T và chị S thường xảy ra xô sát, cãi chửi nhau. Mâu thuẫn giữa anh T và chị S đã được hai bên gia đình hoà giải nhiều lần nhưng quan hệ hôn nhân vẫn không được cải thiện. Do mâu thuẫn vợ chồng nên giữa năm 2021 thì chị S đã bỏ nhà đi từ đó cho đến nay, mỗi người sống một nơi, việc ai người đấy làm, không quan tâm đến nhau. Đến nay, anh nhận thấy không thể tiếp tục chung sống cùng chị S nên anh có yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn. Quá trình chung sống, anh và chị S có hai con chung là cháu Bàn Văn B, sinh ngày 07/5/1992 và cháu Bàn Thị Y, sinh ngày 21/3/1997. Hiện nay hai cháu đều đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, anh chị tự thỏa thuận nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Đặng Thị S không gửi bản tự khai, không cung cấp chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của anh T, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án. Tòa án đã triệu tập bị đơn là chị Đặng Thị S nhiều lần để lấy lời khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng chị Đặng Thị S vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án đã Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại các biên bản xác minh ngày 21/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang với anh Bàn Văn B là con trai của anh Bàn Văn T và chị Đặng Thị S; với đại diện UBND xã Đồng Tâm nơi anh Bàn Văn T và chị Đặng Thị S sinh sống, phản ánh về tình trạng hôn nhân của anh chị như sau: Chị Đặng Thị S, sinh năm 1969 và anh Bàn Văn T, sinh năm 1970. Địa chỉ: Đội 5, thôn L, xã Đ, huyện B, tỉnh H đều có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Đ, huyện B, tỉnh H. Anh Bàn Văn T và chị Đặng Thị S về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1986 tại thôn L, xã Đ, huyện B, tỉnh H nhưng khi đó anh chị đều chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn. Việc anh T và chị S chung sống với nhau được hai bên gia đình chấp nhận và được hàng xóm, bạn bè chứng kiến. Anh T và chị S chung sống với nhau như vợ chồng từ đó cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, nơi anh chị cư trú, mặc dù sau nhiều năm chung sống thì anh chị đã đủ điều kiện kết hôn theo luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu anh T và chị S chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2000 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống nên giữa anh T và chị S thường xảy ra xô sát, cãi chửi nhau. Mâu thuẫn giữa anh T và chị S đã được hai bên gia đình hoà giải nhiều lần nhưng quan hệ hôn nhân

vẫn không được cải thiện. Do mâu thuẫn vợ chồng nên giữa năm 2021 thì chị S đã bỏ nhà đi từ đó cho đến nay, mỗi người sống một nơi, việc ai người đấy làm, không quan tâm đến nhau. Quá trình chung sống, anh T và chị S có hai con chung là anh Bàn Văn B, sinh ngày 07/5/1992 và chị Bàn Thị Y, sinh ngày 21/3/1997. Hiện nay anh B, chị Y đều đã trưởng thành và có cuộc sống riêng. Quá trình chung sống, anh T và chị S có tạo lập được một số tài sản chung. Hiện nay anh T và chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên chúng tôi không cung cấp thông tin.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, còn bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Bàn Văn T và chị Đặng Thị S; về án phí đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền: Nguyên đơn là anh Bàn Văn T có đơn khởi kiện “Ly hôn” với bị đơn là chị Đặng Thị S, chị Đặng Thị S cư trú tại thôn L, xã Đ, huyện B, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang.

Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn là anh Bàn Văn T vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn là chị Đặng Thị S vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Đặng Thị S, anh Bàn Văn T.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về yêu cầu xin ly hôn:* Anh Bàn Văn T và chị Đặng Thị S bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1986 tại thôn L, xã Đ, huyện B, tuy nhiên khi đó anh chị đều chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn. Đến năm 1990 khi cả hai bên có đủ điều kiện kết hôn theo luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nhưng anh chị vẫn không đăng ký kết hôn tại UBND xã nơi anh chị cư trú thực hiện.

Tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định:

"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này"

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định:

"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng"

Như vậy, việc anh chị chung sống với nhau như vợ chồng được hai bên gia đình chấp nhận và được hàng xóm, bạn bè chứng kiến nhưng không có đăng ký kết hôn. Đến nay nguyên đơn là anh Bàn Văn T có yêu cầu xin ly hôn chị Đặng Thị S, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của anh cần được xử bằng một bản án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa hai anh chị là có cơ sở.

[2.2] *Về việc nuôi con:* Do các con đều đã trưởng thành nên nguyên đơn là anh Bàn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] *Về chia tài sản chung:* Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] *Về án phí:* Do nguyên đơn anh Bàn Văn T là dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Bàn Văn T và chị Đặng Thị S.

- **Về án phí:** Anh Bàn Văn T được miễn án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

- **Về quyền kháng cáo:** Báo cho nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Hồng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Oanh

Vũ Văn Tú

Đinh Thị Hồng